

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

Bản án số: 47/2026/HS-ST
Ngày 12-6-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Vận và bà Âu Anh Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2026/TLST-HS, ngày 29 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HS, ngày 29 tháng 5 năm 2026; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 12/2026/QĐ-TA, ngày 10 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 23/3/2000 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; số CCCD: 020200000905, ngày cấp 18/4/2025, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội - Bộ C4; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã M, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C, sinh năm 1969 và bà Phan Thị M, sinh năm 1967; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 07 tháng 11 năm 2025 đến nay; có mặt.

2. Hoàng Văn B (tên gọi khác: Không), sinh ngày 04/12/1986 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; số CCCD: 020086006384, ngày cấp 20/11/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội - Bộ C4; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã M, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C1 (đã chết) và bà Lý Thị Đ, sinh năm 1962; vợ, con: chưa có; tiền án: Tại Bản án số: 73/2021/HS-ST, ngày 30/11/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 10 (mười) năm tù về tội: Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số: 50/2012/HS-ST, ngày 23/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 (hai) năm tù về tội: Cố ý gây thương tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo

bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 10 tháng 11 năm 2025 đến nay; có mặt.

3. Phan Văn T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/7/1972 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; số CCCD: 020072010444, ngày cấp 21/9/2025, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội - Bộ C4; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã M, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Duyên V và bà Nông Thị T2 (đều đã chết); có vợ là Trần Thị N, sinh năm 1983; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số: 191/2011/HS-ST, ngày 15/12/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 03 (ba) năm tù về tội: Buôn bán hàng cấm và tại Bản án số: 15/2021/HS-ST, ngày 25/3/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 07 tháng 11 năm 2025 đến nay; có mặt.

4. Lương Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 13/6/1992 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; số CCCD: 020092001728, ngày cấp 17/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội - Bộ C4; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã M, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn M1 (đã chết) và bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1954; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại quyết định số: 52/QĐ-XPHC, ngày 28/9/2012 bị Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Cố ý gây thương tích, phạt tiền 750.000 đồng (đã chấp hành xong) chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 07 tháng 11 năm 2025 đến nay; có mặt.

5. Lãng Văn B1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 26/3/1982 tại xã M, tỉnh Lạng Sơn; số CCCD: 020082010407, ngày cấp 28/9/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội - Bộ C4; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lãng Văn P, sinh năm 1954 và bà Phương Thị H1, sinh năm 1952; có vợ là Trịnh Thị Q, sinh năm 1995 và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 07 tháng 11 năm 2025 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Văn B*: Bà Lương Thị L, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm T4, Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn H, Lãng Văn B1*: Bà Nguyễn Thanh H2, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm T4, Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Phan Thị M, sinh năm 1967; trú tại: Thôn L, xã M, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 06/11/2025, Lê Văn T được người đàn ông tên L1 (không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) gọi điện thoại qua tài khoản W “6789” đến tài khoản Wechat “lũng mật” của Lê Văn T để thuê chở 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam ở thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn với tiền công 4.000.000 đồng/người. Lê Văn T đồng ý nhưng lo sợ bị phát hiện nên đã gọi cho Hoàng Văn B sử dụng tài khoản Wechat “tran trung” để thuê chở 04 người trên với tiền công 3.000.000 đồng/người. Hoàng Văn B không đồng ý chở nhưng nói sẽ tìm người chở. Do Hoàng Văn B không đồng ý tham gia nên Lê Văn T bảo Hoàng Văn B xóa hết nội dung liên lạc để giữ bí mật. Sau đó, Lê Văn T gọi điện thoại cho Lường Văn H thuê chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép với tiền công 3.000.000 đồng/người. Lường Văn H đồng ý và chỉ nhận chở 01 người.

Khoảng 22 giờ ngày 06/11/2025, Hoàng Văn B gọi điện cho Phan Văn T1 nói có 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, bảo Phan Văn T1 đến thôn Bản Phải, xã M, tỉnh Lạng Sơn đón, chở ra xã L, Phan Văn Tương đồng Ý và hẹn Hoàng Văn B đến nhà Phan Văn T1 trao đổi. Do có 04 người Trung Quốc, nên Phan Văn T1 gọi điện thoại cho Lãng Văn B1 biết việc đi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, bảo Lãng Văn B1 đến nhà Phan Văn T1 trao đổi, chờ đi đón người Trung Quốc. Khoảng 23 giờ, Lãng Văn B1, Hoàng Văn B đi xe mô tô đến nhà Phan Văn T1; tại đây Hoàng Văn B cho Phan Văn T1, Lãng Văn B1 biết có 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, bảo cả hai đến thôn Bản Phải, xã M, tỉnh Lạng Sơn chở ra xã L, tỉnh Lạng Sơn, tiền công nếu chở 01 người là 600.000 đồng, chở 02 người là 1.000.000 đồng. Hoàng Văn B gọi điện cho Lê Văn T biết đã tìm được 02 người đi đón người Trung Quốc, Lê Văn T cũng cho biết đã tìm được người chở được 01 người rồi cả hai hẹn gặp nhau trên đường đi. Sau đó, Hoàng Văn B, Lãng Văn B1 và Phan Văn T1 đến quán cơm tại thôn C, xã M ăn đêm chờ đi đón người Trung Quốc.

Khoảng 02 giờ ngày 07/11/2025, cả ba người là Hoàng Văn B, Lãng Văn B1 và Phan Văn T1 cùng quay lại nhà Phan Văn T1. Lúc này, Lê Văn T nhận được điện thoại của L1 thông báo 04 người Trung Quốc đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nên Lê Văn T gọi báo cho Hoàng Văn B và gọi Lường Văn H đi đón. Lường Văn H điều khiển xe mô tô SIRIUS YAMAHA màu đen (không gắn biển số), còn Lê Văn T điều khiển xe mô tô Honda màu trắng tím (không gắn biển số) đi trông đường. Hoàng Văn B bảo Phan Văn T1 (điều khiển xe mô tô Honda RSX màu đen xám, biển số 12L1-171.11) và Lãng Văn B1 (điều khiển xe mô tô HONDA WAVE màu xanh, biển số 12A - 161.51) chuẩn bị đi đón người rồi Hoàng Văn B đi về nhà. Trên đường đến địa điểm đón người, Lê Văn T và Hoàng Văn B gọi điện trao đổi để Hoàng Văn B chỉ dẫn Phan Văn T1, Lãng Văn B1 còn Lường Văn H theo chỉ dẫn của Lê Văn T. Khi đến cầu N thì Phan Văn T1, Lường

Văn H và Lãng Văn B1 gặp nhau rồi cùng đợi đón người, lúc này có 04 người đàn ông Trung Quốc đi ra, Lường Văn H nhận chở 01 người, Phan Văn T1 nhận chở 02 người, còn Lãng Văn B1 chở 01 người. Sau đó, xe Lường Văn H và Lãng Văn B1 đi trước, Phan Văn T1 đi sau theo trục đường bê tông Bản Phải - N - Bản Giếng - Q ra trục đường Tỉnh lộ 236. Hồi 04 giờ 15 phút ngày 07/11/2025, tại trục đường Tỉnh lộ 236 thuộc thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn, xe của Phan Văn T1 bị phát hiện, bắt quả tang. Còn xe của Lường Văn H và Lãng Văn B1 đi đến thôn P thì Lường Văn H gọi điện thoại cho Lê Văn T hỏi địa điểm nhận người, Lê Văn T bảo xe đón đang hỏng nên bảo Lường Văn H và Lãng Văn B1 đợi. Khoảng 05 giờ ngày 07/11/2025, do đợi lâu không thấy xe ô tô đến đón 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép nên Lường Văn H và Lãng Văn B1 cùng nhau chở 02 người trên vào sâu trong rừng cách đường bê tông khoảng 100m để ở đó rồi đi về nhà. Sáng cùng ngày 07/11/2025, Lê Văn T, Lường Văn H và Lãng Văn B1 ra đầu thú.

Đối với Hoàng Văn B, quá trình điều tra Hoàng Văn B không khai nhận được bàn bạc về việc tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép mà chỉ khai Lê Văn T bảo Hoàng Văn B chở 04 “kiện hàng”. Cơ quan điều tra tiến hành đối chất nhưng các bị cáo vẫn giữ lời khai. Tuy nhiên, Hoàng Văn B khai nhận về diễn biến sự việc phù hợp với lời khai của Lê Văn T, Phan Văn T1 và Lãng Văn B1. Căn cứ lời khai của Lê Văn T, Phan Văn T1 và Lãng Văn B1 đều khẳng định Hoàng Văn B được Lê Văn T thuê chở 04 người Trung Quốc và bảo Phan Văn T1 và Lãng Văn B1 đi chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, không phải chở hàng, giữa Hoàng Văn B và các bị cáo khác không có mâu thuẫn, lời khai hoàn toàn khách quan. Do vậy, dù căn cứ khẳng định Hoàng Văn B nhận thức được việc các bị cáo cùng tham gia tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép.

Đối với người đàn ông tên L1 sử dụng tài khoản Wechat tên “6789”, Lê Văn T khai không biết họ, địa chỉ, không có số điện thoại, chỉ liên lạc qua mạng Wechat, tiến hành trung cầu giám định khôi phục dữ liệu điện tử nhưng không xác định được thông tin về người tên “Luân” nên không có cơ sở để mở rộng điều tra. Đối với Đàm Diệp B2, Thạch Đôn H3 có hành vi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, ngày 10/11/2025 Phòng Q1 Công an tỉnh L ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, ngày 17/11/2025 đã trao trả về Trung Quốc. Đối với các đối tượng tổ chức cho Đàm Diệp B2, Thạch Đôn H3 và 02 người Trung Quốc khác nhập cảnh trái phép, do không có thông tin cụ thể nên không có cơ sở để mở rộng điều tra. Đối với 02 người Trung Quốc được Lường Văn H, Lãng Văn B1 chở từ thôn B, xã M đến thôn P, xã N, các bị cáo và Đàm Diệp B2, Thạch Đôn H3 không biết thông tin, đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Về vật chứng của vụ án, quá trình điều tra tạm giữ của các bị cáo:

01 xe mô tô màu trắng, không gắn biển kiểm soát; số máy: 150FMG00018845; số khung: LTBXG81B9Y2113371, cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu, không có ốp máy, không có ngăn chắn xích dưới; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, bên trong lắp 01 sim mạng Viettel;

số IMEI1: 861474078015026/08; IMEI2: 861474078015034/08 (thu giữ của bị cáo **Lê Văn T**).

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đen xám, biển kiểm soát 12L1-171.11; số máy: JA38E-0251352; số khung: RLHJA3825GY121708; cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu bên phải, yếm bị sút, vỡ; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 12005747, ngày cấp 06/8/2022, nơi cấp Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn mang tên Phan Văn T1; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh, cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 351402873709292; IMEI2: 351402873709300 bên trong lắp 01 sim mạng Viettel (của bị cáo **Phan Văn T1**).

01 xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS YAMAHA màu đen, không gắn biển kiểm soát; số máy: 5C6H102454; số khung: RLCS5C6HOEY 102454, cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu, không có yếm xe, mặt nạ bị vỡ, phanh tay bị cong vẹo không có hộp chắn xe; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, bên trong lắp 01 sim mạng Viettel; số IMEI1: 864674072117366/00; IMEI2: 864674072117374/00 (của bị cáo **Lường Văn H**).

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen, biển kiểm soát 12AA-161.51; số khung: RLHJA3931SY098962; số máy: JA70E0957531, xe cũ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen; không kiểm tra được số IMEI của điện thoại, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, có vết nứt ở mặt ốp cường lực, bên trong lắp 02 sim mạng Viettel; (của bị cáo **Lăng Văn B1**).

01 Căn cước công dân số 020072010444; ngày cấp 21/9/2022; nơi cấp: Cục C5 về trật tự xã hội - Bộ C4 mang tên Phan Văn T1.

Đối với xe mô tô màu trắng, không gắn biển số mà Lê Văn T sử dụng đi trông đường, là xe của Lê Văn T mua lại, không có giấy tờ xe. Tra cứu xe mô tô trên mang biển số 12F3-8494 mang tên Hoàng Văn C2, sinh năm 1949, trú tại thôn P, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Hiện ông Hoàng Văn C2 đã chết, lấy lời khai bà Hoàng Thị M2 (vợ ông C2) thể hiện chiếc xe được mua năm 2001, năm 2008 bán lại cho cửa hàng mua bán xe máy cũ nhưng không làm giấy tờ. Đối với xe mô tô SIRIUS YAMAHA màu đen, không gắn biển số, Lường Văn H sử dụng là của Lường Văn H mua ở cửa hàng tại thành phố L (cũ), không nhớ địa chỉ, không có giấy tờ mua bán. Tiến hành tra cứu xe mô tô mang biển số 12L1-089.60, chủ sở hữu là Dương Văn C3, sinh năm 1991, trú tại thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Dương Văn C3 xác nhận xe mô tô này do Dương Văn C3 mua năm 2015 và đã bán lại cho cửa hàng mua bán xe máy, khi bán xe không viết giấy tờ mua bán. Đối với điện thoại di động Readmi màu đen và số thuê bao 037.938.5637 mà bị cáo Lê Văn T sử dụng là của bà Phan Thị M (mẹ đẻ), bà Phan Thị M không biết việc Lê Văn T sử dụng liên lạc, tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép nên không xem xét xử lý. Đối với điện thoại di động của Hoàng Văn B, bị cáo khai đã làm rơi, không biết vị trí rơi nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Bản Cáo trạng số: 34/CT-VKSLS-P2, ngày 28/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Văn B, Phan Văn T1, Lường Văn H và Lăng Văn B1 về tội *Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn T, Phan Văn T1, Lương Văn H và Lãng Văn B1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung đã nêu ở trên. Đối với bị cáo Hoàng Văn B quá trình điều tra không thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân nhưng tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phan Thị M trình bày tại phiên tòa: Chiếc xe mô tô không gắn biển kiểm soát của Lê Văn T sử dụng là do Lê Văn T mua và sử dụng. Chiếc điện thoại di động Readmi màu đen và số thuê bao 037.938.5637 mà bị cáo Lê Văn T sử dụng là của bà, bà không biết việc Lê Văn T sử dụng liên lạc, tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Đến nay, bà đề nghị Tòa án xem xét trả lại cho bà chiếc điện thoại di động Readmi màu đen kèm theo số thuê bao 037.938.5637 để bà tiếp tục sử dụng phục vụ cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Văn B, Phan Văn T1, Lương Văn H và Lãng Văn B1 phạm tội *Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn T, Phan Văn T1, Lương Văn H và Lãng Văn B1. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn B.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù; bị cáo Hoàng Văn B từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù; bị cáo Phan Văn T1 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Lương Văn H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Lãng Văn B1 từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu, hoá giá nộp Ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô màu trắng, không gắn biển kiểm soát; số máy: 150FMG00018845; số khung: LTBXG81B9Y2113371, cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu, không có ốp máy, không có ngăn chắn xích dưới (của bị cáo **Lê Văn T**); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đen xám, biển kiểm soát 12L1-171.11; số máy: JA38E-0251352; số khung: RLHJA3825GY121708; cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu bên phải, yếm bị sút, vỡ, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 12005747, ngày cấp 06/8/2022, nơi cấp Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn mang tên Phan Văn T1 và 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh, cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 351402873709292; IMEI2: 351402873709300 bên trong lắp 01 sim mạng Viettel (của bị cáo **Phan Văn T1**); 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS YAMAHA màu đen, không gắn biển kiểm soát; số máy: 5C6H102454; số khung: RLCS5C6HOEY 102454, cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu, không có yếm xe, mặt nạ bị vỡ, phanh tay bị cong veo không có hộp chắn xe; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, bên trong lắp 01 sim mạng

Viettel; số IMEI1: 864674072117366/00; IMEI2: 864674072117374/00 (của bị cáo **Lường Văn H**); 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen, biển kiểm soát 12AA-161.51; số khung: RLHJA3931SY098962; số máy: JA70E0957531, xe cũ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen; không kiểm tra được số IMEI của điện thoại, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, có vết nứt ở mặt ốp cường lực, bên trong lắp 02 sim mạng Viettel; (của bị cáo **Lăng Văn B1**). Các vật chứng trên xác định có liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho bà Phan Thị M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, bên trong lắp 01 sim mạng Viettel; số IMEI1: 861474078015026/08; IMEI2: 861474078015034/08, là vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội. Trả cho bị cáo Phan Văn T1 01 Căn cước công dân số 020072010444; ngày cấp 21/9/2022; nơi cấp: Cục C5 về trật tự xã hội - Bộ C4 mang tên Phan Văn T1. Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Văn B bà Lương Thị L phát biểu ý kiến tranh luận: Nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quyết định khởi tố, truy tố về tội danh, điều luật, hình phạt với các bị cáo và các nội dung khác là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên bị cáo Lê Văn T đã đầu thú, quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo Hoàng Văn B quá trình điều tra chưa thành khẩn khai báo, tại phiên toà đã thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án khởi điểm của Viện kiểm sát đã đề nghị.

Người bào chữa cho các bị cáo Lường Văn H, Lăng Văn B1 bà Nguyễn Thanh H2 phát biểu ý kiến tranh luận: Nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quyết định khởi tố, truy tố về tội danh, điều luật, hình phạt với các bị cáo và các nội dung khác là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên các bị cáo Lường Văn H, Lăng Văn B1 đã đầu thú, quá trình điều tra, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn am hiểu pháp luật còn hạn chế. Riêng đối với bị cáo Lăng Văn B1 do bản thân không được bình thường, hoàn cảnh gia đình khó khăn (đã có đơn) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất có thể.

Các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Văn B tranh luận với đại diện Viện kiểm sát cho rằng mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là quá cao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn giữ nguyên quan điểm tại bản luận tội về mức hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Văn B. Trong vụ án này hành vi của các bị gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của N1 và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực Biên giới. Bị cáo Lê Văn T là người có vai trò chính trong vụ án, khi được người đàn ông thuê chở người Trung

Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, vì mục đích kinh tế, bị cáo đã nhận lời và đã thuê Hoàng Văn B, Lường Văn H cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Hoàng Văn B tuy không trực tiếp chở người nước ngoài nhập cảnh trái phép nhưng khi được Lê Văn T liên lạc trao đổi việc chở người đã nhận lời, đã liên lạc cho bị cáo Phan Văn T1 để chở người, mục đích để hưởng tiền chênh lệch. Khi xem xét đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo đại diện Viện kiểm sát đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Vì vậy, mức hình phạt này mới đủ sức răn đe, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Các bị cáo Phan Văn T1, Lường Văn H, Lãng Văn B1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Văn T, Phan Văn T1, Lường Văn H và Lãng Văn B1 tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, lời khai của người chứng kiến tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Ngày 06/11/2025, Lê Văn T được người tên “L1” (chưa rõ lai lịch) thuê chở 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam từ thôn Bản Phải, xã M, tỉnh Lạng Sơn đến xã L, tỉnh Lạng Sơn với tiền công 4.000.000 đồng/người. Lê Văn T nhận lời và gọi cho Hoàng Văn B để thuê Hoàng Văn B chở 04 người với tiền công 3.000.000 đồng/người. Hoàng Văn B không nhận chở nên đã thuê Phan Văn T1 chở, Phan Văn T1 rủ thêm Lãng Văn B1, tiền công 600.000 đồng/người, 02 người là 1.000.000 đồng. Lê Văn T thuê Lường Văn H chở 01 người tiền công 3.000.000 đồng. Ngày 07/11/2025, Phan Văn T1, Lãng Văn B1, Lường Văn H đến thôn Bản Phải, xã M, tỉnh Lạng Sơn đón được 04 người Trung Quốc, trong đó Phan Văn T1 chở 02 người, Lường Văn H và Lãng Văn B1 mỗi người chở 01 người. Hồi 04 giờ 15 phút ngày 07/11/2025, khi xe của Phan Văn T1 đi đến trục đường Tỉnh lộ 236 thuộc thôn C, xã M, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang. Sau khi Phan Văn T1 bị bắt thì Lê Văn T, Lãng Văn B1

và Lương Văn H ra đầu thú. Đối với bị cáo Hoàng Văn B, quá trình điều tra không khai nhận được bàn bạc về việc tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép mà chỉ khai Lê Văn T bảo Hoàng Văn B chở 04 “kiện hàng”. Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và có được Lê Văn T liên lạc cho mục đích để chở 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Văn B, Phan Văn T1, Lương Văn H và Lãng Văn B1 phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của N1 và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực Biên giới. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội không phân công vai trò cụ thể. Nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra, nhưng về nguyên tắc mỗi đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập do hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo Lê Văn T là người có vai trò chính trong vụ án, khi được người đàn ông tên “Luân” thuê chở 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, vì mục đích kinh tế, bị cáo đã nhận lời và đã thuê Hoàng Văn B, Lương Văn H cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không trực tiếp chở người nước ngoài nhập cảnh trái phép nhưng chỉ dẫn bị cáo Lương Văn H chở. Bị cáo Hoàng Văn B tuy không trực tiếp chở người nước ngoài nhập cảnh trái phép nhưng khi được Lê Văn T liên lạc trao đổi việc chở người đã nhận lời, đã liên lạc cho bị cáo Phan Văn T1 để chở người, mục đích để hưởng tiền chênh lệch, trên đường đến địa điểm đón người Lê Văn T và Hoàng Văn B gọi điện trao đổi để Hoàng Văn B chỉ dẫn Phan Văn T1, Lãng Văn B1 đến địa điểm chính xác để đón người. Bị cáo Phan Văn T1 khi được bị cáo Hoàng Văn B thuê chở người nước ngoài nhập cảnh trái phép thì đã đồng ý và rủ thêm bị cáo Lãng Văn B1, bị cáo Phan Văn T1 trực tiếp chở 02 người nước ngoài. Bị cáo Lãng Văn B1 khi được bị cáo Phan Văn T1 rủ, thuê chở người nước ngoài nhập cảnh trái phép thì đồng ý và tại nhà của Phan Văn T1 thì bị cáo có được nghe Hoàng Văn B, Phan Văn T1 trao đổi với nhau về việc chở người nước ngoài nhập cảnh trái phép, bị cáo trực tiếp chở 01 người nước ngoài do đó vai trò của bị cáo Lãng Văn B1 cao hơn bị cáo Lương Văn H. Bị cáo Lương Văn H khi được bị cáo Lê Văn T thuê chở người nước ngoài nhập cảnh trái phép thì đồng ý và chỉ nhận chở 01 người nước ngoài. Để cá thể hóa hình phạt, có mức hình phạt thỏa đáng đối với các bị cáo cần phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Văn B, Phan Văn T1, Lương Văn H và Lăng Văn B1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; khi biết thông tin Phan Văn T1 bị phát hiện bắt giữ, các bị cáo Lê Văn T, Lương Văn H và Lăng Văn B1 đã đến Đồn Biên phòng cửa khẩu C6, tỉnh Lạng Sơn đầu thú, khai rõ hành vi phạm tội. Các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Văn B, Phan Văn T1, Lương Văn H và Lăng Văn B1 là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Văn T, Phan Văn T1, Lương Văn H và Lăng Văn B1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Hoàng Văn B năm 2021 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 10 (mười) năm tù về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nay lại tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét về nhân thân của các bị cáo: Trước khi phạm tội, các bị cáo Lê Văn T, Lăng Văn B1 chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật là người có nhân thân tốt. Bị cáo Lương Văn H năm 2012 bị Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, phạt tiền 750.000 đồng (đã chấp hành xong). Bị cáo Hoàng Văn B năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích (đã chấp hành xong) và có 01 tiền án về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép (chưa được xóa án tích). Bị cáo Phan Văn T1 năm 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội Buôn bán hàng cấm và năm 2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái (đều đã chấp hành xong). Các bị cáo Hoàng Văn B, Phan Văn T1 và Lương Văn H được xác định là người có nhân thân không tốt.

[8] Về hình phạt chính: Để có mức án thỏa đáng đối với các bị cáo cần phải xem xét vai trò, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, cần có mức hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung tội phạm. Tuy nhiên, cũng cần cân nhắc, xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo tốt. Đối với bị cáo Lăng Văn B1 gia đình đã có Đơn xin xác nhận hoàn cảnh, có xác nhận của chính quyền địa phương về việc bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố mẹ già hay đau ốm, vợ bị khuyết tật khiếm thính, bị cáo đang nuôi

con nhỏ, gia đình rất khó khăn đây là các tình tiết cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Lăng Văn B1.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định*”. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô màu trắng, không gắn biển kiểm soát; số máy: 150FMG00018845; số khung: LTBXG81B9Y2113371, cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu, không có ốp máy, không có ngăn chắn xích dưới (của bị cáo **Lê Văn T**). 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đen xám, biển kiểm soát 12L1-171.11; số máy: JA38E-0251352; số khung: RLHJA3825GY121708; cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu bên phải, yếm bị sút, vỡ; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 12005747, ngày cấp 06/8/2022, nơi cấp Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn mang tên Phan Văn T1; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh, cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 351402873709292; IMEI2: 351402873709300 bên trong lắp 01 sim mạng Viettel (của bị cáo **Phan Văn T1**). 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS YAMAHA màu đen, không gắn biển kiểm soát; số máy: 5C6H102454; số khung: RLCS5C6HOEY 102454, cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu, không có yếm xe, mặt nạ bị vỡ, phanh tay bị cong vẹo không có hộp chắn xe; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, bên trong lắp 01 sim mạng Viettel; số IMEI1: 864674072117366/00; IMEI2: 864674072117374/00 (của bị cáo **Lường Văn H**). 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen, biển kiểm soát 12AA-161.51; số khung: RLHJA3931SY098962; số máy: JA70E0957531, xe cũ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen; không kiểm tra được số IMEI của điện thoại, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, có vết nứt ở mặt ốp cường lực, bên trong lắp 02 sim mạng Viettel; (của bị cáo **Lăng Văn B1**). Xác định những vật chứng trên có liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu, hoá giá nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, bên trong lắp 01 sim mạng Viettel; số IMEI1: 861474078015026/08; IMEI2: 861474078015034/08. Qua điều tra, xác định bà Phan Thị M không biết việc Lê Văn T sử dụng liên lạc, tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, do không liên quan đến hành vi phạm tội cần tuyên trả lại cho bà Phan Thị M theo quy định. Đối với 01 Căn cước công dân số 020072010444; ngày cấp 21/9/2022; nơi cấp: Cục C5 về trật tự xã hội - Bộ C4 mang tên Phan Văn T1 do không liên quan đến hành vi phạm tội cần tuyên trả cho bị cáo Phan Văn T1 theo quy định. Đối với chiếc điện thoại di động của Hoàng Văn B, bị cáo khai đã làm rơi, không biết vị trí rơi nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với Đối với người đàn ông tên “L1” sử dụng tài khoản Wechat tên “6789”, Lê Văn T khai không biết họ, địa chỉ, không có số điện thoại, chỉ liên lạc

qua mạng Wechat, tiến hành trung cầu giám định khôi phục dữ liệu điện tử nhưng không xác định được thông tin về người tên “Luân” nên không có cơ sở để mở rộng điều tra. Đối với Đàm Diệp B2, Thạch Đôn H3 đều là người Trung Quốc có hành vi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, ngày 10/11/2025 Phòng Q1 Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, ngày 17/11/2025 đã trao trả Đàm Diệp B2, Thạch Đôn H3 về Trung Quốc. Đối với các đối tượng tổ chức cho Đàm Diệp B2, Thạch Đôn H3 và 02 người Trung Quốc khác nhập cảnh trái phép, do không có thông tin cụ thể nên không có cơ sở để mở rộng điều tra. Đối với 02 người Trung Quốc được Lương Văn H, Lãng Văn B1 chở từ thôn B, xã M đến thôn P, xã N, các bị cáo và Đàm Diệp B2, Thạch Đôn H3 không biết thông tin, đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy nên không có căn cứ xác minh làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét các nội dung trên.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bị cáo Lãng Văn B1, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Lãng Văn B1 là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt phù hợp hơn đối với bị cáo.

[13] Đối với đề nghị của người bào chữa đề nghị nào có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật thì Hội đồng xét xử chấp nhận, đề nghị nào chưa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo có đề nghị miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn T, Phan Văn T1, Lương Văn H và Lãng Văn B1. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn B.

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Văn B, Phan Văn T1, Lương Văn H và Lăng Văn B1 phạm tội *Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2025.

2.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/11/2025.

2.3. Xử phạt bị cáo Phan Văn T1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2025.

2.4. Xử phạt bị cáo Lương Văn H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2025.

2.5. Xử phạt bị cáo Lăng Văn B1 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu, hoá giá nộp Ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô màu trắng, không gắn biển kiểm soát; số máy: 150FMG00018845; số khung: LTBXG81B9Y2113371, cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu, không có ốp máy, không có ngăn chắn xích dưới (của bị cáo **Lê Văn T**). 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đen xám, biển kiểm soát 12L1-171.11; số máy: JA38E-0251352; số khung: RLHJA3825GY121708; cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu bên phải, yếm bị sứt, vỡ; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 12005747, ngày cấp 06/8/2022, nơi cấp Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn mang tên Phan Văn T1; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh, cũ đã qua sử dụng; số IMEI1: 351402873709292; IMEI2: 351402873709300 bên trong lắp 01 sim mạng Viettel (của bị cáo **Phan Văn T1**). 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS YAMAHA màu đen, không gắn biển kiểm soát; số máy: 5C6H102454; số khung: RLCS5C6HOEY 102454, cũ đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu, không có yếm xe, mặt nạ bị vỡ, phanh tay bị cong vẹo không có hộp chắn xe; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, bên trong lắp 01 sim mạng Viettel; số IMEI1: 864674072117366/00; IMEI2: 864674072117374/00 (của bị cáo **Lương Văn H**). 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen, biển kiểm soát 12AA-161.51; số khung: RLHJA3931SY098962; số máy: JA70E0957531, xe cũ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen; không kiểm tra được số IMEI của điện thoại, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, có vết nứt ở mặt ốp cường lực, bên trong lắp 02 sim mạng Viettel; (của bị cáo **Lăng Văn B1**).

3.2. Trả lại cho bà Phan Thị M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen, bên trong lắp 01 sim mạng Viettel; số IMEI1: 861474078015026/08; IMEI2: 861474078015034/08.

3.3. Trả lại cho bị cáo Phan Văn T1 01 Căn cước công dân số 020072010444; ngày cấp 21/9/2022; nơi cấp: Cục C5 về trật tự xã hội - Bộ C4 mang tên Phan Văn T1.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/5/2026).

4. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Văn B, Phan Văn T1, Lương Văn H và Lăng Văn B1 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHSCA tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Huyền

